

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **816/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28 – 7 – 2023.

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Ông **Nguyễn Văn Hồi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hà Kim Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Tâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 760/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1955. Thường trú: 22/5E ấp Thới T1, xã Tân H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 39/1S Tân H15, ấp Thới T2, xã Tân H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1995. Địa chỉ: 25 Đường GS01, khu phố Tây B, phường Đông H, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Mai Tiến Luật**, Luật sư Công ty luật TNHH MTV Bigboss Law, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Đỗ Văn L**, sinh năm 1956. Thường trú: 22/5E ấp Thới T1, xã Tân H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân năm 1984, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16/5/1984. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không hiểu nhau và bất đồng quan điểm sống. Ông Đỗ Văn L thường xuyên chửi bới và đuổi bà Nguyễn Thị G ra khỏi nhà. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn L.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Thị Bích Ng, sinh năm 1984 và Đỗ Tấn L, sinh năm 1993. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 1915, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 445518, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp cho ông Đỗ Văn L ngày 05/01/2012, diện tích 137m². Hiện có 01 căn nhà cấp 4 trên đất, diện tích xây dựng khoảng 90m² do vợ chồng bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L xây dựng năm 2013.

Theo chứng thư thẩm định giá số 1840820/CT-TV ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Công ty CP định giá và đầu tư kinh doanh BĐS Thịnh Vượng xác định giá trị tài sản đang tranh chấp là 4.023.563.000 đồng. Bà Nguyễn Thị G thống nhất giá trị tài sản đã được thẩm định giá và yêu cầu được chia ½ giá trị tài sản căn nhà và đất nêu trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/9/2020; biên bản hòa giải ngày 25/11/2021; 06/02/2023 và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Văn L trình bày:

Ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị G tiến đến hôn nhân năm 1984, có đăng ký kết hôn đúng như và Nguyễn Thị G trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do ông Đỗ Văn L bị tai nạn lao động, phải điều trị thời gian dài, bà Nguyễn Thị G không chăm sóc bỏ nhà đi từ đó đến nay. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G, ông Đỗ Văn L có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị G.

- Về con chung: có 02 con con chung tên Đỗ Thị Bích Ng, sinh năm 1984 và Đỗ Tấn L, sinh năm 1993. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không có ý kiến.

- Về tài sản: ông Đỗ Văn L xác định Quyền sử dụng đất thuộc thửa 1915, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 445518, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp cho ông Đỗ Văn L ngày 05/11/2012, diện tích 137m² được người cô tên Đỗ Thị Bảy (mất năm 2019) tặng

cho riêng năm 2010, nên là tài sản riêng của ông Đỗ Văn L và không đồng ý chia. Đối với căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2013 trên phần đất tại địa chỉ: 22/5E ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích xây dựng 104m², chi phí xây dựng khoảng 400.000.000 đồng là tài sản chung. Ông Đỗ Văn L đồng ý phân chia cho bà Nguyễn Thị G giá trị phần xây dựng căn nhà này tương đương 200.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2021, ông Đỗ Văn L xác định vợ chồng có nợ chung 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông Đỗ Văn L không yêu cầu bà Nguyễn Thị G phân chia phần nợ chung này.

Theo chứng thư thẩm định giá số 1840820/CT-TV ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Công ty CP định giá và đầu tư kinh doanh BĐS Thịnh Vượng xác định giá trị tài sản đang tranh chấp là 4.023.563.000 đồng. Ông Đỗ Văn L thống nhất giá trị tài sản đã được thẩm định giá và không có yêu cầu gì.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự hòa giải với nhau nhưng nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Luật sư Mai Tiến Luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xác định: về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L đã thuận tình ly hôn; về tài sản có đủ cơ sở chứng minh quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445518, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 05/11/2012 cho ông Đỗ Văn L và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để ông Đỗ Văn L có thời gian cung cấp chứng cứ chứng minh tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của ông Đỗ Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn cư trú tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyển 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/1984,

đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án, có đủ cơ sở xác định đời sống vợ chồng của bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không cùng suy nghĩ, mặc ai nấy sống và đã ly thân. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông Đỗ Văn L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị G. Việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện và không bị ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị G với ông Đỗ Văn L.

[4] Về con chung: các con chung của bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hai bên đương sự cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, ông Đỗ Văn L được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445518, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 ngày 05/11/2012 đối với thửa đất 1915, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã Tân H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2013 ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị G xây dựng 01 căn nhà cấp 4, diện tích 104m² trên phần đất ông Đỗ Văn L được cấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ: 22/5E ấp Thới Tây 1, xã Tân H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Bà Nguyễn Thị G xác định căn nhà và thửa đất tại địa chỉ: 22/5E ấp Thới Tây 1, xã Tân H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nên là tài sản chung và yêu cầu chia 50% giá trị. Ông Đỗ Văn L xác định thửa đất diện tích 137m², tại địa chỉ: 22/5E ấp Thới Tây 1, xã Tân H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do người cô tên Đỗ Thị Bảy (mất năm 2019) tặng cho riêng ông Đỗ Văn L vào năm 2010, nên là tài sản riêng và không đồng ý chia. Ông Đỗ Văn L chỉ đồng ý chia giá trị căn nhà cấp 4 xây trên đất, nên xảy ra tranh chấp.

[7] Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BK 453575, số vào sổ cấp GCN: CH00549 ngày 02/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp cho ông Đỗ Văn L thể hiện: Thửa 859 được thành lập từ một phần thửa 341 theo hợp đồng chuyển nhượng số 00007119 quyền số 08/2011/TP/VPCC-SCC/HĐGD được giao kết giữa bà Đỗ Thị Bảy với ông Đỗ Văn L ngày 07/10/2011 tại Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BK 453575, ông Đỗ Văn L xin chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445518, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 ngày 05/11/2012, thửa đất 1915, tờ bản đồ số 12, diện tích 137,2m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn.

[8] Quá trình giải quyết vụ kiện, ông Đỗ Văn L cung cấp cho Tòa án văn bản số: 336/TNMT ngày 27/5/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

Hóc Môn có nội dung: “...2. Quá trình sử dụng đất: Ngày 22/10/2010, bà Đỗ Thị Bảy có tặng cho ông Đỗ Văn L một phần đất thửa 350, tờ 5, diện tích khoảng (5m x 30m) thuộc xã Tân Hiệp...”. Theo nội dung văn bản nêu trên, xác định bà Đỗ Thị Bảy có tặng cho ông Đỗ Văn L một phần đất thửa 350, Tờ 5, nhưng các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất 859 được thành lập từ một phần thửa 341, tờ bản đồ số 5 theo hợp đồng chuyển nhượng số 00007119 quyền số 08/2011/TP/VPCC-SCC/HĐGD được giao kết giữa bà Đỗ Thị Bảy với ông Đỗ Văn L ngày 07/10/2011.

[9] Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh thửa đất 1915, tờ bản đồ số 12, diện tích 137,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445518, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 05/11/2012 cho ông Đỗ Văn L là do bà Đỗ Thị Bảy chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn L trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại với bà Nguyễn Thị G. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn L cho rằng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445518, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 05/11/2012 là tài sản riêng của ông Đỗ Văn L, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông Đỗ Văn L là có căn cứ, nên không được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị G, xác định quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445518, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 05/11/2012 cho ông Đỗ Văn L là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L và mỗi người được chia 50%, bên nhận hiện vật có nghĩa vụ thanh toán cho bên còn lại giá trị được chia.

[10] Theo chứng thư thẩm định giá số 1840820/CT-TV ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Công ty CP định giá và đầu tư kinh doanh BĐS Thịnh Vượng xác định giá trị tài sản đang tranh chấp bao gồm đất ở và tài sản gắn liền với đất là 4.023.563.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị G yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản đang tranh chấp lấy số tròn tương đương 2.000.000.000đ. Chia cho ông Đỗ Văn L nhận hiện vật là tài sản đang tranh chấp. Yêu cầu của bà Nguyễn Thị G là phù hợp và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về nợ chung: Tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn L xác định vợ chồng có nợ chung 400.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 06/02/2023 và tại phiên tòa ông Đỗ Văn L không yêu cầu bà Nguyễn Thị G phân chia phần nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ý kiến của

Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để ông Đỗ Văn L cung cấp chứng cứ là không cần thiết, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Các chi phí tố tụng phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị G tự nguyện chịu và không yêu cầu ông Đỗ Văn L hoàn lại, nên không đặt ra xem xét.

[14] Về án phí: Bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 33, Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với ông Đỗ Văn L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L.

3. Về con chung: các con chung của bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Quyền sử dụng thửa đất 1915, tờ bản đồ số 12, diện tích 137,2m² và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445518, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 05/11/2012 cho ông Đỗ Văn L tại địa chỉ: 22/5E ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L. Giá trị tài sản chung được định giá là 4.023.563.000đ (bốn tỷ không trăm hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Ông Đỗ Văn L được chia quyền sử dụng thửa đất 1915, tờ bản đồ số 12, diện tích 137,2m² và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 445518, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00909 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 05/11/2012 cho ông Đỗ Văn L.

Bà Nguyễn Thị G được chia giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số tiền là: 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng).

Ông Đỗ Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị G số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị G đối với khoản tiền được chia nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Đỗ Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình, án phí dân sự có giá ngạch bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn L được miễn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân